TỶ LỆ NGHIỆN FACEBOOK VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Trần Huỳnh Ngọc Ý, Trương Thị Thùy Dung**, Trịnh Thị Hoàng Oanh**

TÓM TẮT

Giới thiệu: *Tại Việt Nam, có 57% dân số đang sử dụng Facebook, là một trong mười quốc gia có số người sử dụng Facebook nhiều nhất (2018). Sử dụng Facebook quá mức có thể gây tác động bất lợi đến sức khỏe.*

Mục tiêu: *Xác định tỷ lệ nghiện Facebook và các yếu tố liên quan ở học sinh trung học phổ thông tại thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai năm 2019.*

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu*: Nghiên cứu cắt ngang với phương pháp lấy mẫu cụm phân tầng năm 2019. Khảo sát 864 học sinh trung học phổ thông tại thành phố Long Khánh bằng bộ câu hỏi tự điền để thu thập dữ kiện. Thang đo Thai – BFAS được sử dụng để đánh giá nghiện Facebook ở học sinh trung học phổ thông với điểm cắt đoạn là 12 điểm. Mô hình hồi qui đa biến được dùng để phân tích mối liên quan giữa nghiện Facebook và các yếu tố liên quan.*

Kết quả: *Trong số 763 học sinh tham gia nghiên cứu, có 22,2% học sinh trung học phổ thông bị nghiện Facebook. Sau khi phân tích, nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa nghiện Facebook và thời gian trung bình /lần học sinh sử dụng Facebook ≥2 giờ (PR=2,01; KTC95% 1,35–3,01), số lượng bạn bè trên Facebook >500 (PR=2,03; KTC95% 1,37–3,01) và sự quan tâm của mẹ đối với con cái (PR=0,63; KTC95% 0,47–0,85) với p <0,001.*

Kết luận*: Tình trạng nghiện Facebook trở nên khá phổ biến ở học sinh THPT. Cần thiết có những chương trình can thiệp tại học đường và gia đình nhằm hạn chế việc sử dụng Facebook ở học sinh đồng thời, đặc biệt là vai trò của người mẹ trong việc quan tâm chăm sóc đến con nhiều hơn có thể là biện pháp dự phòng hữu hiệu.*

Từ khóa*: nghiện, nghiện Facebook, học sinh trung học phổ thông*

ABSTRACT

PREVALENCE OF FACEBOOK ADDICTION AND RELATED FACTORS AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS AT LONG KHANH CITY, DONG NAI PROVINCE

Tran Huynh Ngoc Y, Truong Thi Thuy Dung, Trinh Thi Hoang Oanh

* Ho Chi Minh City Journal of Medicine * Vol. 24 - No. 1 - 2020: 90 - 97

Backgrounds: *In Vietnam, 57% of the population is using Facebook, which is one of the 10 countries with the highest number of Facebook users (2018). Excessive use of Facebook can have adverse health effects.*

Objectives: *Determine the prevalence of Facebook addiction and related factors in high school students in Long Khanh city, Dong Nai province in 2019.*

Methods*: Cross-sectional study with stratified cluster sampling method in 2019. Survey of 864 high school students in Long Khanh City using a self-administrated questionnaire to collect data. The Thai Scale - BFAS was used to evaluate Facebook addiction in high school students with a cut-off point of 12. The multivariate regression model was used to analyze the relationship between Facebook addiction and related factors.*

Results: *Of the 763 students participating in the study, 22.2% of high school students were addicted to*

*Khoa Y tế Công cộng, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Tác giả liên lạc: CN. Trần Huỳnh Ngọc Ý *ĐT:* 0963151943 *Email:*tranhuynhngocy1997@gmail.com

Facebook. After analysis, the study found a relationship between Facebook addiction and the average time/student using Facebook ≥2 hours (PR=2.01; KTC95% 1.35 - 3.01), the number of friends on Facebook >500 (PR=2.03; 95% CI 1.37 - 3.01) and maternal attention to children (PR=0.63; CI 95% 0.47 - 0.85) with p <0.001.

Conclusions: *Facebook addiction become quite popular in high school students. It is necessary to have interventions at school and at home to limit the use of Facebook in students at the same time, especially the role of the mother in caring more about the children, which can be a preventive measure effective.*

Keywords*: addiction, Facebook addiction, high school students*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Facebook là trang mạng xã hội phổ biến nhất hiện nay. Theo thống kê của Công ty Facebook (2019), hiện có 2,41 tỷ người đang sử dụng Facebook[1], chiếm 69,3% số người sử dụng các trang mạng xã hội, trung bình 1 năm Facebook tăng khoảng 200 triệu người sử dụng trên toàn thế giới[1,2]. Việt Nam có hơn 57% dân số đang sử dụng Facebook, là 1 trong 10 nước có số người sử dụng Facebook nhiều nhất (2018)[3].

Trên thế giới, có khoảng 38,5% đến 47% người bị nghiện Facebook[4,5,6,7] và 21,9-38,5% người nghiện Facebook bị trầm cảm[4,8]. Ngoài ra, có đến 71,5% người sử dụng Facebook phàn nàn về sự thay đổi tâm trạng của mình, 52,6% người cáu gắt vì bị làm phiền khi đang sử dụng Facebook[8]. Đã có nghiên cứu chứng minh rằng nếu thời gian sử dụng tăng lên 1 giờ thì nguy cơ nghiện Facebook tăng 1,12 lần[9,10].

Tuy nhiên, các nghiên cứu hầu hết chỉ tập trung đánh giá tỷ lệ sử dụng Facebook và tiến hành nghiên cứu trên đối tượng sinh viên và người trưởng thành, mà chưa xem xét tỷ lệ nghiện Facebook ở đối tượng học sinh trung học phổ thông (THPT), một đối tượng có tỷ lệ sử dụng Facebook khá lớn[6,11,12]. Thành phố Long Khánh là nơi có nền kinh tế đang phát triển, dân số trẻ, tỷ lệ học sinh THPT tương đối cao[13,14,15]. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục đích xác định tỷ lệ nghiện Facebook ở học sinh THPT và các yếu tố liên quan. Chúng tôi hy vọng có thể góp thêm y văn về các yếu tố liên quan đến nghiện Facebook của học sinh THPT tại Việt Nam nói chung và thành phố Long Khánh nói riêng. Đồng thời, giúp phụ huynh có giải pháp hợp lý để giúp những học sinh đang sử dụng Facebook cải thiện mức độ sử dụng Facebook của mình và sử dụng Facebook hiệu quả hơn.

ĐỐI TƯỢNG - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành thực hiện trên 763 học sinh đang sử dụng Facebook tại 7 trường THPT trên địa bàn thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai trong thời gian nghiên cứu từ tháng 4 –5/2019.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang.

Phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng 1 tỷ lệ với tỷ lệ nghiện Facebook ở học sinh THPT là 41,8%[10]; sai số cho phép d=0,05; xác suất sai lầm loại 1 α=0,05 và hệ số thiết kế nghiên cứu là 2. Cỡ mẫu tính được là 750 học sinh. Dự trù mất mẫu là 15% nên cỡ mẫu cuối cùng là 864 học sinh.

Sử dụng phương pháp chọn mẫu cụm phân tầng (tầng là khối lớp, đơn vị cụm là lớp), cụm được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Thông qua 3 bước:

Bước 1

Tổng hợp số lớp và phân tầng theo khối lớp.

Bước 2

Chọn cụm theo phương pháp chọn cụm ngẫu nhiên hệ thống.

Khoảng cách lấy mẫu (k) = Tổng số lớp/Số lớp cần lấy mẫu = 166/22= 7,55.

Khối lớp 10 được chọn ngẫu nhiên với con số ngẫu nhiên đầu tiên là số 3 cụm tiếp theo là

x+(n-1)k = 3+7= 10 và các cụm tiếp theo được chọn theo cách tương tự.

Tương tự cho khối lớp 11 và lớp 12 *(Bảng 1)*.

Bước 3

Chọn đối tượng là tất cả học sinh trong lớp hiện đang sử dụng Facebook để tiến hành khảo sát.

Bảng 1: *Phân bố mẫu cho từng khối lớp*

Khối lớp	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số học sinh cần lấy mẫu	Số lớp cần lấy mẫu	Số lớp chọn ngẫu nhiên	Khoảng cách mẫu
Khối 10	59	2357 (36,1%)	312	8	3	7
Khối 11	53	2063 (31,6%)	273	7	7	7
Khối 12	54	2108 (32,3%)	279	7	4	7
Tổng cộng	166	6528	864	22	-	-

Thu thập số liệu

Sau khi được cung cấp thông tin và đồng ý tham gia nghiên cứu thì học sinh sẽ xem bộ câu hỏi và nghiên cứu giải đáp thắc mắc vào 10 phút sinh hoạt đầu giờ, sau đó học sinh trả lời bộ câu hỏi tự điền.

Công cụ thu thập số liệu

Bộ câu hỏi tự điền gồm 49 câu và được chia làm 3 phần cụ thể:

Phần 1

Đặc điểm nền của học sinh như khối lớp, buổi học, thành tích học tập, sống chung với gia đình, thói quen sinh hoạt và thói quen sử dụng Facebook.

Phần 2

Thang đo đánh giá sự quan tâm của ba mẹ đối với con cái (12 câu). Dựa trên thang đo Liên kết của bố mẹ (PBI – Parental Bonding Instrument) của Gordon Parker[16]. Nghiên cứu đoàn hệ đánh giá độ tin cậy, tính ổn định của thang đo trong suốt 20 năm trên đối tượng thanh niên kết quả thang đo có tính tương đối ổn định[17,18]. Câu hỏi được cho điểm theo thang đo Likert, gồm 4 mức độ: Rất đúng, gần đúng, hơi sai, rất sai.

- Câu 1, 4, 5, 6, 7, 10 (gồm các câu hỏi thuộc của bố và mẹ) được tính điểm như sau: rất đúng (3), gần đúng (2), hơi sai (1), rất sai (0).

- Các Câu 2, 3, 8, 9, 11, 12 (gồm các câu hỏi thuộc của bố và mẹ) được tính điểm rất đúng (0), gần đúng (1), hơi sai (2), rất sai (3).

- Sự quan tâm của ba là có (Nếu PBI sự quan tâm của ba ≥24 điểm) và không (Nếu PBI sự quan tâm của ba <24 điểm).

- Đối với sự quan tâm của mẹ là có (Nếu PBI sự quan tâm của mẹ ≥27 điểm) và không (Nếu PBI sự quan tâm của mẹ <27 điểm).

Phần 3

Thang đo đánh giá nghiện Facebook (6 câu). Dựa trên công cụ đánh giá nghiện Facebook của Bergen theo tiếng Thái Lan (Thai-BFAS – Thai Lan-Bergen Facebook Addiction Scale) được chuẩn hóa từ thang đo BFAS (Cronbach's Alpha =0,81)[19].

Câu hỏi được cho điểm theo thang đo Likert, gồm 5 mức độ: (0) rất hiếm khi, (1) hiếm khi, (2) thỉnh thoảng, (3) thường xuyên, (4) rất thường xuyên.

Trong nghiên cứu, chúng tôi sử dụng điểm cắt Thai – BFAS ≥12 điểm. Học sinh nghiện Facebook là Có (Nếu Thai – BFAS ≥12 điểm) và Không (Nếu Thai – BFAS <12 điểm). Điểm cắt này đã được khuyến nghị và tiến hành nghiên cứu trên đối tượng học sinh trung học phổ thông tại Thái Lan và được đánh giá độ tin cậy[20].

Xử lý số liệu

Nghiên cứu thu được 889 phiếu khảo sát trong đó có 126 (14,2%) không thỏa tiêu chí và bị loại ra khỏi nghiên cứu, bao gồm 92 phiếu của học sinh không trả lời đầy đủ phần đánh giá nghiện Facebook (6 câu) và 34 phiếu của học sinh không sử dụng Facebook.

Nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.1 và xử lý, phân tích số liệu bằng phần mềm Stata 14.2.

Sử dụng phép kiểm Chi bình phương để xác định mối liên quan giữa nghiện Facebook với đặc điểm cá nhân, thói quen sử dụng Facebook và sự quan tâm của ba mẹ đối với con cái. Độ lớn mối liên quan được tính bằng tỷ số tỷ lệ hiện mắc (PR – Prevalence ratio) với khoảng tin cậy 95% (KTC 95%). Tiêu chí để báo cáo mối liên quan: p <0,05 là ngưỡng có ý nghĩa thống kê và khoảng tin cậy 95% không chứa 1 thể hiện mối liên quan chặt chẽ giữa các biến khảo sát.

Mô hình hồi qui Poisson được sử dụng để phân tích đa biến. Chọn đưa những biến số tiềm năng (có p <0,2) vào mô hình đa biến. Sau đó, loại bỏ từ từ các biến số không ý nghĩa theo trình tự những biến số có p >0,05 từ lớn đến nhỏ. Mô hình đa biến cuối cùng gồm các biến số có p <0,05.

Y đức

Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh số: 110/ĐHYD-HĐĐĐ ngày 26/3/2019.

KẾT QUẢ

Trong số 763 học sinh có sử dụng Facebook tại 7 trường THPT, đa số học sinh là nữ (59,1%). Học sinh lớp 10 chiếm tỷ lệ cao nhất (36,7%), học sinh đa số có học lực khá (50,7%) và học vào buổi sáng (47,8%).

Học sinh hầu hết sống cùng ba mẹ (83,6%). Ba làm nông dân chiếm tỷ lệ cao nhất (32,2%), tỷ lệ thấp nhất là ba làm nhân viên nhà nước (5,6%). Mẹ chủ yếu buôn bán (26,0%), chiếm thấp nhất là mẹ làm công nhân (2,0%). Học sinh chủ yếu sử dụng Facebook bằng điện thoại (93,6%), sử dụng Facebook thường xuyên (68,7%) và có thói quen sử dụng Facebook trước khi đi ngủ (75,3%). Học sinh sử dụng nhiều nhất vào buổi tối (42,2%). Thời gian sử dụng phân phối không bình thường có trung vị là 60 phút và khoảng tứ phân vị lần lượt là 30 phút và 120 phút.

Bảng 2 cho thấy học sinh nhận được sự quan tâm của cả ba và mẹ chiếm 38,5%. Học sinh nhận được sự quan tâm của ba nhiều hơn của mẹ, chiếm tỷ lệ lần lượt là 58,3% và 47,4%.

Bảng 2: *Sự quan tâm của ba mẹ đối với con cái (n=763)*

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Sự quan tâm của ba đối với con cái (n=682) (Có)	445	58,3
Sự quan tâm của mẹ đối với con cái (n=723) (Có)	362	47,4
Sự quan tâm của cả ba và mẹ đối với con cái (Có)	294	38,5

Với điểm cắt là 12 điểm, nghiên cứu tìm thấy có 22,2% học sinh bị nghiện Facebook. *Bảng 3* cho thấy điểm Thang đo nghiện Facebook có trung vị là 8 với khoảng tứ phân vị lần lượt là 5 điểm và 11 điểm.

Bảng 3: *Tỷ lệ nghiện Facebook (n=763)*

Đặc điểm	Tần số	%	KTC 95%
Nghiện Facebook (có)	169	22,2	19,2 – 25,3
Điểm của thang đo BFAS*	8 (5 – 11)		

(*) Biến số định lượng phân phối không bình thường: trung vị (khoảng tứ phân vị)

Bảng 4: *Mối liên quan đơn biến giữa nghiện Facebook và đặc điểm nền của học sinh*

Đặc điểm	Nghiện Facebook		Giá trị p	PR (KTC 95%)
	Có (%) (n=169)	Không (%) (n=594)		
Giới: Nữ	97 (21,9)	346 (78,1)	0,843	
Nam	72 (22,5)	248 (77,5)		1,03 (0,79 – 1,34)
Khối lớp: Lớp 10	50 (17,9)	230 (82,1)		1 (*)
Lớp 11	54 (22,0)	191 (78,0)	0,01	1,23 (0,87 – 1,74)
Lớp 12	65 (27,3)	173 (72,7)		1,53 (1,10 – 2,12)
Học lực HK1:				
Giỏi	15 (17,1)	73 (82,9)		1
Khá	78 (20,4)	305 (79,6)	0,484	1,19 (0,72 – 1,97)
Trung bình - Yếu	76 (26,7)	209 (73,3)	0,079	1,56 (0,95 2,58)
Thời gian học: Buổi sáng	84 (23,0)	281 (77,0)		1
Buổi chiều	28 (19,3)	117 (80,7)	0,368	0,84 (0,57 – 1,23)
Cả hai buổi	57 (22,5)	196 (77,5)	0,888	0,98 (0,73 – 1,31)

Đặc điểm	Nghiện Facebook		Giá trị p	PR (KTC 95%)
	Có (%) (n=169)	Không (%) (n=594)		
Hiện tại đang sống chung với:				
Cả hai	138 (21,6)	500 (78,4)	0,381	1
Ba/ mẹ	25 (25,5)	73 (74,5)	0,942	1,18 (0,82 – 1,71)
Không sống chung với ba mẹ	6 (22,2)	21 (77,8)		1,03 (0,50 – 2,11)

(*) Mối liên hệ có tính khuynh hướng

Bảng 4 thể hiện mối liên quan giữa nghiện Facebook và các đặc điểm nền của học sinh, được phân tích bằng kiểm định đơn biến. Kết quả cho thấy không tìm được mối liên quan đơn biến giữa nghiện Facebook và các đặc điểm nền của học sinh THPT như giới tính, học lực, thời gian học và người mà học sinh hiện tại đang sống cùng. Tuy nhiên, tác giả tìm thấy mối liên quan giữa nghiện Facebook với học sinh khối 12.

Bảng 5 thể hiện mối liên quan giữa nghiện Facebook và thói quen sử dụng Facebook của học sinh, được phân tích bằng kiểm định đơn biến. Kết quả cho thấy có mối liên quan giữa nghiện Facebook với số bạn trên Facebook của học sinh, thời gian sử dụng Facebook trong ngày, thói quen sử dụng Facebook trước khi đi ngủ và sử dụng Facebook với mục đích giải trí. Tuy nhiên, nghiện Facebook không có mối liên quan với thiết bị dùng để sử dụng Facebook và các mục đích sử dụng Facebook khác.

Kết quả của *Bảng 6* thể hiện mối liên quan giữa nghiện Facebook với sự quan tâm của ba mẹ đối với con cái. Học sinh nhận được sự quan tâm của ba mẹ thì sẽ hạn chế được việc nghiện Facebook.

Bảng 5: *Mối liên quan đơn biến giữa nghiện Facebook và thói quen sử dụng Facebook*

Đặc điểm	Nghiện Facebook		Giá trị p	PR (KTC 95%)
	Có (%) (n=169)	Không (%) (n=594)		
Thiết bị thường dùng: Thiết bị khác	5 (10,2)	44 (89,8)		1
Điện thoại	164 (23,0)	550 (77,0)	0,037	2,25 (0,97 – 5,22)
Số bạn trên Facebook: <500 bạn	43 (14,1)	260 (85,9)		1 (*)
<1000 bạn	34 (22,1)	120 (77,9)	<0,001	1,31 (1,17 – 1,46)
<2000 bạn	43 (28,3)	109 (71,7)		1,72 (1,37 – 2,13)
≥2000 bạn	49 (32,0)	104 (68,0)		2,25 (1,60 – 3,11)
Thời gian trung bình 1 lần sử dụng Facebook (giờ/ lần)				
<1 giờ	30 (12,7)	206 (87,3)		1 (*)
1 – 2 giờ	57 (20,3)	224 (79,7)		1,51 (1,26– 1,83)
≥ 2 giờ	60 (29,7)	142 (70,3)	<0,001	2,28 (1,59 – 3,35)
Thời gian thường xuyên sử dụng Facebook				
Buổi sáng: Không	98 (18,9)	422 (81,1)		1
Có	69 (29,9)	162 (70,1)	<0,001	1,58 (1,21 – 2,07)
Buổi trưa: Không	59 (17,6)	277 (82,4)		1
Có	108 (26,0)	307 (74,0)	0,006	1,48 (1,12 – 1,97)
Buổi chiều: Không	82 (18,1)	371 (81,9)		1
Có	84 (28,3)	213 (71,7)	0,001	1,56 (1,20 – 2,04)
Buổi tối: Không	9 (14,3)	54 (85,7)		1
Có	158 (23,0)	530 (77,0)	0,113	1,61 (0,86 – 2,99)
Sử dụng Facebook trước khi ngủ:				
Không	19 (10,2) 146	168 (89.8)	<0,001	1
Có	(25,6)	425 (14,4)		2,52 (1,61 – 3,94)
Mục đích sử dụng Facebook				
Học tập : Không	113 (22,9)	381 (77,1)		1
Có	56 (21,1)	210 (78,9)	0,565	0,92 (0,69 – 1,22)
Tìm kiếm và cập nhật thông tin: Không	51 (19,0)	218 (81,0)		1
Có	118 (24,0)	374 (76,0)	0,111	1,27 (0,94 – 1,70)

Đặc điểm	Nghiện Facebook		Giá trị p	PR (KTC 95%)
	Có (%) (n=169)	Không (%) (n=594)		
Nói chuyện, tán gẫu: Không	45 (19,4)	187 (80,6)	0,217	1
Có	124 (23,4)	405 (76,6)		1,21 (0,89 – 1,64)
Giải trí (Lướt web, xem video, nghe nhạc,..): Không	28 (15,8)	149 (84,2)		1
Có	141 (24,1)	443 (75,9)	0,02	1,53 (1,06 – 2,21)
Chơi game: Không	133 (21,0)	500 (79,0)	0,07	1
Có	36 (28,1)	92 (71,9)		1,34 (0,98 – 1,84)

(*) Mối liên hệ có tính khuynh hướng

Bảng 6: *Mối liên quan đơn biến giữa nghiện Facebook và sự quan tâm của ba mẹ đối với con cái*

Đặc điểm	Nghiện Facebook		Giá trị p	PR (KTC 95%)
	Có (%) (n=169)	Không (%) (n=594)		
Sự quan tâm của ba đối với con cái (n=682):				
Không	84 (26,4)	234 (73,6)	0,016	1
Có	85 (17,3)	360 (82,7)		0,72 (0,55 – 0,94)
Sự quan tâm của mẹ đối với con cái (n=723):				
Không	103 (25,7)	298 (74,3)	0,013	1
Có	66 (16,8)	296 (83,2)		0,71 (0,54 – 0,93)

Bảng 7 thể hiện kết quả phân tích đa biến của các yếu tố liên quan là những biến số tiềm năng (p <0,2). Bao gồm: khối lớp, thiết bị thường dùng, tần số sử dụng Facebook, thời gian trung bình 1 lần sử dụng Facebook, các buổi trong ngày (sáng, trưa, chiều, tối), mục đích sử dụng Facebook (gồm tìm kiếm, truy cập thông tin/giải trí/chơi game), thói quen sử dụng Facebook trước khi ngủ, sự quan tâm của ba, mẹ.

Bảng 7: *Mối liên quan giữa nghiện Facebook và các yếu tố liên quan bằng mô hình đa biến*

Các biến đưa vào mô hình hồi quy đa biến	Mô hình cuối cùng PR (KTC95%)
Số bạn trên Facebook	
< 500 bạn	1
< 1000 bạn	1,56 (1,001 – 2,42)**
< 2000 bạn	1,77 (1,18 – 2,67)**
≥ 2000 bạn	2,03 (1,37 – 3,01)*
Thời gian trung bình 1 lần sử dụng Facebook (giờ/ lần):	
< 1 giờ	1
1- 2 giờ	1,49 (0,99 -2,23)
≥ 2 giờ	2,01 (1,35 – 3,01)*
Sự quan tâm của mẹ đối với con cái (n=723)	0,63 (0,47 – 0,85)*

(*): p <0,001 (**): p <0,05

Sau quá trình phân tích mô hình hồi quy đa biến, kết quả cho thấy các biến thực sự có mối liên quan đến nghiện Facebook (p <0,05), gồm: số bạn trên Facebook, thời gian mỗi lần sử dụng Facebook và sự quan tâm của mẹ đối với con cái.

BÀN LUẬN

Mặc dù nhiều nhà nghiên cứu đã cho thấy nghiện Facebook rất phổ biến hiện nay và có tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm thần và đời sống xã hội ở đối tượng học sinh, sinh viên và người trưởng thành. Nhưng vẫn còn rất ít nghiên cứu tại Việt Nam. Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng thang đo Thai – BFAS của Thái Lan, thang đo đã được chuẩn hóa và nghiên cứu trên đối tượng học sinh THPT và cho thấy tỷ lệ nghiện Facebook là 22,2%. Kết quả này thấp hơn một số nghiên cứu tại Thái Lan (41,8%)[5], Jordan (38,5%)[4], Bangladesh (39,7%)[7], Malaysia (47,0%)[6], sự khác biệt này có thể do tần số sử dụng Facebook ở các nước khác nhau như tại Thái Lan có đến 71% dân số sử dụng Facebook, tương tự tại Jordan (60,9%)[4] và Maylaysia (75%)[6]. Ngoài ra, sự khác biệt này có thể do thời điểm nghiên cứu khác nhau và phương pháp nghiên cứu khác nhau. Nghiên cứu tại Malaysia và Bangladesh với phương pháp lấy mẫu thuận tiện nên không có tính đại diện cho dân số và đặc biệt theo đánh giá sơ bộ về mạng xã hội tại Malaysia thì hơn 73% người dùng tự nhận thấy mạng xã hội có thể gây ra nghiện, đánh giá cho thấy tại thời điểm thực hiện nghiên cứu thì mạng xã hội đang là vấn đề đáng chú ý tại

Malaysia. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng cao hơn so với nghiên cứu tại Đức (8,6%)[21], Thổ Nhĩ Kỳ (7,6%)[22] và Philippin (4,2%)[23], sự khác biệt này có thể do Facebook không phải là trang mạng xã hội chính tại các nước này, mạng xã hội chính được sử dụng nhiều là Instagram và Whatsapp[3,24] và thời điểm nghiên cứu khác nhau. Năm 2012 là năm Facebook đạt đỉnh điểm về số lượng người sử dụng trên toàn thế giới (1 tỷ người)[25], do đó một số tác giả đã thực hiện nghiên cứu đánh giá nghiện Facebook, tuy nhiên tại thời điểm đó lượng tương tác và số lượng người sử dụng trên Facebook không nhiều và chưa phổ biến như hiện nay.

Nghiên cứu của chúng tôi phát hiện một số yếu tố thực sự có liên quan đến nghiện Faceook và tương đồng với các nghiên cứu trước đây sau khi phân tích hồi quy đa biến. Học sinh có số bạn bè trên Facebook càng nhiều thì càng có khả năng nghiện Facebook cao vì càng nhiều bạn bè thì nhu cầu tương tác càng cao, luôn mong muốn được quan tâm chú ý nhiều hơn hết nên sẽ thường xuyên cập nhật Facebook. Tương đồng với nghiên cứu của tác giả Biolcati và cộng sự cho thấy sự cô đơn trong các mối quan hệ gia đình hoặc bạn bè là nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng Facebook của học sinh và việc sử dụng Facebook nhiều hơn sẽ làm cho học sinh cảm thấy bớt cô đơn hơn[26]. Nghiên cứu cũng tìm thấy học sinh sử dụng Facebook càng nhiều càng có nguy cơ nghiện Facebook. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của tác giả Huỳnh Văn Sơn thực hiện tại TP. HCM[27] và tác giả Trần Thị Minh Đức cùng cộng sự thực hiện tại 6 thành phố lớn tại Việt Nam[28] và nghiên cứu thực hiện tại Thái Lan, Joran, Bangladesh, Malaysia, sinh viên sử dụng Facebook >5 giờ đồng hồ có khả năng gây nghiện[4,5,6,7,10]. Điều này có thể giải thích do học sinh đang sử dụng một công cụ với quá nhiều tính năng như Facebook – vừa có thể trao đổi thông tin, cập nhật tin tức, nói chuyện với mọi người, như vậy khi đang sử dụng thì người dùng không thể bỏ được, vô tình càng sử dụng thì áp lực do Facebook mang lại càng tăng cao. Đặc biệt, nghiên cứu chúng tôi tìm thấy mối liên quan giữa sự quan tâm của mẹ đến nghiện Facebook của học sinh, học sinh nhận được sự quan tâm của mẹ nhiều hơn sẽ giảm khả năng nghiện Facebook. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự với kết quả nghiên cứu của tác giả Wang K và cộng sự, tác giả Anindita và cộng sự đã thực hiện và cho kết quả tương tự[29,30]. Điều này có thể được giải thích là do mẹ chính là người quan tâm, chăm sóc con cái nhiều nhất, nên sự quan tâm của mẹ có sức ảnh hưởng rất lớn đến con cái và ngược lại.

Ngoài ra, nghiên cứu cũng có một số hạn chế. Công cụ đánh giá nghiện Facebook sử dụng trong nghiên cứu này đã được chuẩn hóa và ứng dụng tại nhiều nơi trên thế giới. Tuy nhiên, tại Việt Nam công cụ này vẫn chưa được đánh giá tính tin cậy và giá trị. Nghiên cứu đã đưa ra tỷ lệ dự trù mất mẫu nhưng vẫn chưa dự trù được chính xác tỷ lệ này. Do đó dẫn đến số lượng mẫu thu được chỉ vừa đạt đủ cỡ mẫu dự tính ban đầu.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ nghiện Facebook ở học sinh THPT tại địa bàn thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai là 22,2%. Kết quả này cho thấy nghiện Facebook cũng là vấn đề đáng quan tâm ở độ tuổi học sinh THPT và đặc biệt là những đối tượng học sinh có đặc điểm góp phần gia tăng nghiện Facebook mà nghiên cứu của chúng tôi đã phát hiện được. Qua kết quả nghiên cứu, học sinh nên hạn chế sử dụng Facebook vào ban ngày và những giờ trước khi ngủ, chỉ nên sử dụng dưới 2 giờ/ngày và đặc biệt mẹ nên quan tâm đến con cái vì đây có thể là biện pháp dự phòng hiệu quả để hạn chế việc sử dụng Facebook quá mức ở học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Facebook INC (2018). The Facebook company info. URL: https://newsroom.fb.com/company-info.
2. We are Social (2019). Social media users pass 3.5 billion. URL: https://wearesocial.com/us/blog/2019/07/global-social-media-users-pass-3-5-billion.
3. We are social (2018) Digital in 2018 in southeast asia - part 1 northwest. URL:

https://www.slideshare.net/wearesocial/digital-in-2018-in-southeast-asia-part-1-northwest-86866386.
4. Alzougool B (2018). The impact of motives for Facebook use on Facebook addiction among ordinary users in Jordan. *Int J Soc Psychiatry*, 64(6): 528-535.
5. Hanprathet N, Manwong M, Khumsri J, Yingyeun R, Phanasathit M (2015). Facebook Addiction and Its Relationship with Mental Health among Thai High School Students. *J Med Assoc Thai*, 98(S3):81-90.
6. Jafarkarimi H, Alex T.H.S, Saadatdoost R, Jee M. H (2016) Facebook Addiction among Malaysian Students. *International Journal of Information and Education Technology*, 6 (6): 465-69.
7. Mamun MAA, Griffiths MD (2019). The association between Facebook addiction and depression: A pilot survey study among Bangladeshi students. *Psychiatry Res*, 271:628-633.
8. Farooqi H, Patel H, Aslam HM, Ansari IQ, Khan M, Iqbal N, et al (2013). Effect of Facebook on the life of Medical University students. *Int Arch Med*, 6(1):40-48.
9. Nguyễn Thị Thu Thảo (2016). Ảnh hưởng của mạng xã hội trực tuyến đối với kết quả học tập của học sinh trung học phổ thông tại huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai năm 2016. *Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân Y tế Công cộng*, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Khumsri J, Yingyeun R, Mereerat, Manwong, Hanprathet N, Phanasathit M (2015). Prevalence of Facebook Addiction and Related Factors Among Thai High School Students. *J Med Assoc Thai*, 98(S3):S51-60.
11. Frison E, Eggermont S (2016). Gender and Facebook motives as predictors of specific types of Facebook use: A latent growth curve analysis in adolescence. *J Adolesc*, 52:182-90.
12. Marino C, Mazzieri E, Caselli G, Vieno A, Spada MM (2018). Motives to use Facebook and problematic Facebook use in adolescents. *J Behav Addict*, 7(2):276-283.
13. Cổng thông tin điện tử Thị xã Long khánh (2019). Tổng đặc điểm văn hóa - xã hội Thành phố Long Khánh. URL: http://longkhanh.dongnai.gov.vn/Pages/Gioithieu_chitiet.aspx?CatID=4.
14. Thông tin điện tử thành phố Long Khánh (2019). Định hướng Quy hoạch tổng thể KTXH trên địa bàn Thị xã Long Khánh. URL: http://longkhanh.dongnai.gov.vn/Pages/Gioithieu_chitiet.aspx?CatID=42.
15. UBND tỉnh Đồng Nai (2018). Tóm tắt Đề án Long Khánh 2018. URL: https://www.dongnai.gov.vn/Shared%20Documents/Tom%20tat%20de%20an%20Long%20Khanh-2018.pdf.
16. Parker G (1989). The Parental Bonding Instrument: psychometric properties reviewed. *Psychiatr Dev*, 7(4):317-35.
17. Murphy E, Brewin C. R, Silka L (1997). The assessment of parenting using the parental bonding instrument: two or three factors? *Psychol Med*, 27(2):333-41.
18. Wilhelm K, Niven H, Parker G, Hadzi-Pavlovic D (2005). The stability of the Parental Bonding Instrument over a 20-year period. *Psychol Med*, 35(3):387-93.
19. Andreassen CS, Torsheim T, Brunborg GS, Pallesen S (2012). Development of a Facebook Addiction Scale. *Psychol Rep*, 110(2):501-17.
20. Phanasathit M, Manwong M, Hanprathet N, Khumsri J, Yingyeun R (2015) Validation of the Thai version of Bergen Facebook addiction scale (Thai-BFAS). *J Med Assoc Thai*, 98(S2):108-17.
21. Brailovskaia J, Schillack H, Margraf J (2018). Facebook Addiction Disorder in Germany. *Cyberpsychol Behav Soc Netw*, 21(7):450-456.
22. Koc M, Gulyagci S (2013). Facebook addiction among Turkish college students: the role of psychological health, demographic, and usage characteristics. *Cyberpsychol Behav Soc Netw*, 16(4):279-84.
23. Marcial DE (2013). Are you a facebook addict? Measuring facebook addiction in the Philippine University. *International Proceedings of Economics Development and Research* 66:1-4.
24. We are Social (2018). Digital in 2018 in Western Europe. URL: https://www.slideshare.net/wearesocial/digital-in-2018-in-northern-europe-part-1-west-86864045.
25. Facebok.com (2018). Số liệu thống kê. URL: https://newsroom.fb.com/company-info/, Accessed on 10/12/2018.
26. Biolcati R, Mancini G, Pupi V, Mugheddu V (2018). Facebook Addiction: Onset Predictors. *J Clin Med*, 7(6):1-12.
27. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm (2014). Thực trạng việc sử dụng Facebook của thanh thiếu niên 15-18 tuổi tại thành phố Hồ Chí Minh. *Khoa học Xã hội ĐHSP TP. Hồ Chí Minh*, 63:46-53.
28. Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái (2014). Sử dụng mạng xã hội trong sinh viên Việt Nam. *Khoa học xã hội Việt Nam*, 8(81):51-60.
29. Chakraborty A (2016) Facebook Addiction: An Emerging Problem. *The American Journal of Psychiatry*, 11(12):7-9.
30. Wang K, Frison E, Eggermont S, Vandenbosch L (2018) Active public Facebook use and adolescents' feelings of loneliness: Evidence for a curvilinear relationship. *J Adolesc*, 67:35-44.

Ngày nhận bài báo: *22/11/2019*
Ngày phản biện nhận xét bài báo: *26/11/2019*
Ngày bài báo được đăng: *10/03/2020*